

ĐIỀU LỆ
Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Bến Tre năm 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 12 năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Hội khỏe Phù Đổng (HKPD) là đại hội Thể dục thể thao (TDTT) học sinh phổ thông nhằm:

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, khuyến khích, động viên học sinh phổ thông thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong trường học nhằm nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện.

- Góp phần thực hiện mục tiêu Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Phát hiện năng khiếu và những tài năng thể thao của học sinh phổ thông nhằm bồi dưỡng, đào tạo tài năng thể thao cho đất nước.

- Tổng kết, đánh giá công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường phổ thông.

2. Yêu cầu

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 15/2002/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao.

- Thủ trưởng các đơn vị phổ biến quán triệt mục đích, ý nghĩa của HKPD đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh trong toàn đơn vị và chỉ đạo tổ chức HKPD các cấp theo quy định của Điều lệ với mục tiêu: Vận động đông đảo học sinh tham gia rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ học tập, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh và chịu trách nhiệm về nhân sự tham gia HKPD của đơn vị mình.

- Công tác tổ chức HKPD phải an toàn, thiết thực và hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi và thu hút đông đảo các đơn vị, vận động viên (VDV) tham dự.

- Các đơn vị cử VDV dự thi đúng độ tuổi, đối tượng theo quy định của Điều lệ.

- Chấp hành nghiêm chỉnh Luật, Điều lệ, các quy định của Ban Tổ chức (BTC) HKPD.

Điều 2. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO

1. Chu kỳ tổ chức HKPD: HKPD được tổ chức theo chu kỳ: Cấp trường 01 năm/lần; cấp huyện 02 năm/lần; cấp tỉnh 02 năm/lần.

2. Ban Tổ chức HKPD cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh thành lập BTC HKPD cấp tỉnh, gồm:

- Trưởng BTC là lãnh đạo Sở GD&ĐT.
- Các phó trưởng BTC và ủy viên là lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương liên quan.

Điều 3. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian: Tổ chức từ 27/01/2024 đến 05/02/2024

2. Địa điểm: Thành phố Bến Tre.

Điều 4. SỐ LƯỢNG MÔN THI

1. Điền kinh: Tiểu học (TH) (nam, nữ) và Trung học cơ sở (THCS) (nam, nữ); Trung học phổ thông (THPT) (nam, nữ);
2. Bơi: TH (nam, nữ), THCS (nam, nữ), THPT (nam, nữ);
3. Cầu lông: THCS (nam, nữ), THPT (nam, nữ);
4. Đá cầu: TH (nam, nữ), THCS (nam, nữ), THPT (nam, nữ);
5. Bóng chuyền (6 - 6): THCS (nam, nữ); THPT (nam, nữ);
6. Bóng đá: TH (5-5 nam), THCS (7-7 nam), THPT (11-11 nam, 5-5 nữ);
7. Thể dục Aerobic: TH (nam, nữ), THCS (nam, nữ);
8. Đẩy gậy: THCS (nam, nữ);
9. Cờ vua: TH, THCS và THPT, theo các lứa tuổi (nam, nữ);
10. Kéo co: THCS (nam, nữ);
11. Karate: THCS, THPT (nam, nữ);
12. Taekwondo: THCS, THPT (nam, nữ);
13. Vovinam: THCS, THPT (nam, nữ);
14. Võ cổ truyền: THCS, THPT (nam, nữ).

Điều 5. ĐƠN VỊ VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Đơn vị tham gia: Mỗi Phòng GD&ĐT là một đơn vị dự thi gồm học sinh 3 cấp (TH, THCS, THPT).

2. Đối tượng

2.1. Đối tượng được tham gia HKPD: Học sinh phổ thông; học viên giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là học sinh) có độ tuổi từ 18 tuổi trở xuống đang học tập tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, có đủ sức khỏe thi đấu môn thể thao mà học sinh đó đăng ký tham gia.

2.2. Đối tượng không được tham gia HKPĐ

- Học sinh là VĐV đã và đang được đào tạo tại trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh được hưởng chế độ từ ngân sách nhà nước (tính từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm diễn ra HKPĐ tỉnh Bến Tre năm 2024).

- Học sinh đã đoạt huy chương tại các giải thể thao thuộc hệ thống giải thể thao thành tích cao trong nước và quốc tế hằng năm do Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ VHTTDL (nay là Cục Thể dục thể thao), các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, quốc tế tổ chức.

- Học sinh có tiền sử bệnh lý về tim mạch, thần kinh và các bệnh lý khác không đủ sức khỏe để thi đấu thể thao.

- Học sinh đang bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên và học sinh vi phạm pháp luật (có văn bản của cơ quan có thẩm quyền).

2.3. Quy định về độ tuổi

- Học sinh TH từ 07 đến 11 tuổi

+ Độ tuổi: 07 - 09 tuổi (sinh từ 31/12/2017 trở về trước đến 01/01/2015).

+ Độ tuổi: 10 - 11 tuổi (sinh từ 31/12/2014 trở về trước đến 01/01/2013).

- Học sinh THCS từ 12 đến 15 tuổi

+ Độ tuổi: 12 - 13 tuổi (sinh từ 31/12/2012 trở về trước đến 01/01/2011).

+ Độ tuổi: 14 - 15 tuổi (sinh từ 31/12/2010 trở về trước đến 01/01/2009).

- Học sinh THPT: Từ 16 - 18 tuổi (sinh từ 31/12/2008 trở về trước đến 01/01/2006).

2.4. Học sinh ở cấp học dưới quá tuổi theo quy định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề, nhưng không được vượt tuổi quy định của cấp học đó. Mỗi học sinh chỉ được đăng ký thi đấu cho 01 đơn vị, ở 01 cấp học và thi đấu 01 môn thể thao (không tính môn Kéo co).

Điều 6. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ

1. Hồ sơ dự thi

1.1. Hồ sơ đăng ký dự thi Hội khỏe Phù Đổng (HKPĐ) cấp tỉnh năm 2024 do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ký tên và đóng dấu, gồm:

- Bản đăng ký sơ bộ số lượng vận động viên (VĐV) sẽ dự thi các môn thi. (Mẫu 1).

- Quyết định thành lập đoàn tham dự HKPĐ tỉnh Bến Tre năm 2024 (kèm danh sách đoàn cán bộ, HLV, VĐV).

- Hai bản đăng ký tổng hợp danh sách chính thức tham dự HKPĐ (Mẫu 2).

- Danh sách đăng ký chi tiết cụ thể từng môn thi (nam riêng, nữ riêng cho từng cấp học) (Mẫu 3).

1.2. Giấy khai sinh bản chính hoặc giấy khai sinh bản sao theo đúng quy định của Nhà nước (đối với học sinh dưới 14 tuổi). Căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với học sinh từ đủ 14 tuổi trở lên).

1.3. Giấy khám sức khỏe của từng VĐV theo mẫu hiện hành và được cơ quan y tế đủ thẩm quyền từ cấp huyện trở lên kết luận sức khỏe bình thường hoặc sức khỏe loại I.

1.4. Phiếu thi đấu của từng VĐV (Mẫu 4).

2. Thời gian đăng ký:

- Đăng ký sơ bộ: **ngày 20/01/2024.**

- Đăng ký chính thức: **ngày 22/01/2024.**

Hồ sơ đăng ký gửi về Sở GD&ĐT (Phòng Giáo dục Trung học – Giáo dục Thường xuyên), đồng thời gửi file mềm qua email: ledantrong@bentre.edu.vn.

3. Các quy định khác

3.1. Điều kiện tổ chức các nội dung thi đấu: Chỉ tổ chức thi đấu khi mỗi nội dung có từ 03 đơn vị tham gia trở lên.

3.2. Sau thời gian đăng ký chính thức, các đơn vị tự ý bỏ Ban Tổ chức sẽ trừ 01 huy chương vàng đối với các nội dung cá nhân, nhân theo hệ số nếu là môn tập thể được quy định tại khoản 2, phần II, Chương III. Đối với những trường hợp có lý do đặc biệt Ban Tổ chức sẽ xem xét, quyết định.

3.3. Trang phục

- Trang phục trình diễn lễ khai mạc là đồng phục theo đoàn.

- Trang phục thi đấu: Theo quy định tại Điều lệ, Luật của môn thi đấu. Vận động viên khi nhận giải phải mặc trang phục chính tề.

3.4. Trưởng đoàn là lãnh đạo Phòng GD&ĐT. Huấn luyện viên và chỉ đạo viên từng nội dung thi do Phòng GD&ĐT phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao – Truyền thanh và Du lịch các huyện và thành phố quyết định.

3.5. Trưởng phòng GD&ĐT và Hiệu trưởng các trường THPT phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Giám đốc Sở GD&ĐT về nhân sự của đơn vị mình.

3.6. Hợp trừ bị bốc thăm thi đấu lúc 8 giờ **ngày 24/01/2024** tại trường THCS Vĩnh Phúc, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Chương II ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 7. MÔN ĐIỀN KINH

1. Đối tượng: Theo quy định của mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp TH (dành cho cả nam và nữ): Chạy 60m, bật xa tại chỗ, chạy 500m, chạy tiếp sức 4x50m, toàn năng (Chạy 60m, bật xa tại chỗ, chạy 500m).

2.2. Cấp THCS:

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, tiếp sức 4x100m, nhảy xa, nhảy cao.
- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, tiếp sức 4x100m, nhảy xa, nhảy cao.

- Tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

2.3. Cấp THPT:

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, tiếp sức 4x100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ (3kg).

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, tiếp sức 4x100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ (5kg).

- Tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

3. Thể thức thi đấu: Tính thời gian trực tiếp để xếp hạng cho các nội dung thi cá nhân, đội tiếp sức.

4. Số lượng tham gia

- Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi nội dung cá nhân là 02 VĐV và một đội tiếp sức (được lấy bất kỳ VĐV có tên trong đăng ký thi đấu). Mỗi VĐV được dự thi tối đa 02 nội dung (không kể nội dung tiếp sức).

- Vận động viên đăng ký thi đấu toàn năng không được thi đấu nội dung cá nhân. Vận động viên thi đấu toàn năng phải thi đủ các nội dung theo yêu cầu mới được tính điểm xếp hạng toàn năng.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi, nếu trường hợp đồng thành tích thì xếp đồng hạng.

Điều 8. MÔN BƠI

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Dành cho cả nam và nữ

2.1. Cấp TH: Bơi Tự do 50m, 100m; bơi Éch 50m; bơi Ngựa 50m; bơi Tiếp sức tự do 4x50m.

2.2. Cấp THCS.

- Độ tuổi 12-13: Bơi Tự do 50m,100m; bơi Éch 50m,100m; bơi Ngựa 50m; bơi Bướm 50m; bơi Tiếp sức tự do 4x50m.

- Độ tuổi 14-15: Bơi Tự do 50m,100m; bơi Éch 50m,100m; bơi Ngựa 50m, 100m; bơi Bướm 50m; bơi Tiếp sức tự do 4x100m; bơi Tiếp sức hỗn hợp 4x50m.

2.3. Cấp THPT: Bơi Tự do 50m,100m, 200m; bơi Éch 50m,100m, 200m; bơi Ngựa 50m, 100m; bơi Bướm 50m, 100m; bơi Hỗn hợp 200m; bơi Tiếp sức tự do 4x100m.

3. Thể thức thi đấu: Tính thời gian trực tiếp để xếp hạng cho các nội dung thi cá nhân, đội tiếp sức.

4. Số lượng tham gia

4.1. Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 02 VĐV và 01 đội tiếp sức tham gia thi đấu ở mỗi nội dung.

4.2. Mỗi VĐV được đăng ký tối đa 02 nội dung cá nhân và 01 nội dung tiếp sức.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 04 VĐV trở lên dự thi, nếu đồng thành tích thì xếp đồng hạng; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV dự thi.

Điều 9. MÔN CẦU LÔNG

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp THCS:

- Độ tuổi 12 - 13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ.

- Độ tuổi 14 - 15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ.

2.2. Cấp THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Giải đồng đội: Thi đấu 02 trận đơn và 01 trận đôi (mỗi trận thi đấu trong 03 ván) mỗi đội phải có tối thiểu 03 VĐV tham gia thi đấu. Tùy theo số lượng đăng ký, Ban tổ chức sẽ quyết định thể thức thi đấu.

3.2. Giải đơn và giải đôi: Thi đấu loại trực tiếp.

Cấp THCS và THPT: Các trận đều thi đấu trong 03 ván, thắng 02.

4. Số lượng tham gia

4.1. Mỗi đơn vị đăng ký một đội tối đa không quá 05 VĐV nam và 05 VĐV nữ cho mỗi lứa tuổi.

4.2. Mỗi VĐV được đăng ký tham gia tối đa 03 nội dung (kể cả đồng đội).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật thi đấu Cầu lông do Bộ VHTTDL ban hành và các điều luật bổ sung, thay thế của Liên đoàn cầu lông Thế giới.

5.2. Các cá nhân cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên.

5.3. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quyết định và sẽ có thông báo sau.

5.4. Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV, đôi, đội trở lên dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV, đôi, đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV, đôi, đội dự thi.

Điều 10. MÔN ĐÁ CẦU

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

2.2. Cấp THCS: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

2.3. Cấp THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Thi đấu đội tuyển: Mỗi trận thi đấu được cử 06 VĐV (03 VĐV chính thức và 03 VĐV dự bị).

+ Vòng I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt (để chọn đội nhất, nhì vào vòng II, mỗi bảng không quá 05 đội, số lượng bảng theo công thức $2n$);

+ Vòng II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm, nhất bảng này gặp nhì bảng kia).

3.2. Thi đấu đơn và đôi: Thi đấu loại trực tiếp một lần thua.

4. Số lượng tham gia

4.1. Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 12 vận động viên (06 VĐV nam và 06 VĐV nữ) đối với mỗi cấp học.

4.2. Mỗi đơn vị đăng ký 02 đơn nam và 02 đơn nữ; 02 đôi nam, 02 đôi nữ; 02 đôi nam nữ; 01 đội nam, 01 đội nữ ở mỗi nội dung thi.

4.3. Mỗi VĐV được đăng ký tối đa 03 nội dung thi đấu.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Đá cầu hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành năm 2015.

5.1. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quyết định và sẽ có thông báo sau.

5.2. Trang phục thi đấu: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi (phải có số áo phía trước và phía sau).

5.3. Các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau trong trận thi đấu ở thể thức loại trực tiếp.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV, đôi, đội trở lên tham dự; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV, đôi, đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV, đôi, đội dự thi.

Điều 11. MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Dành cho cả nam và nữ.

2.1. Cấp THCS (6 - 6).

2.2. Cấp THPT (6 - 6).

3. Thể thức thi đấu:

Căn cứ vào số lượng đội thi đấu:

- Nếu có từ 05 đội trở xuống: thi đấu vòng tròn 01 lượt tính điểm xếp hạng nhất, nhì ba (không đồng hạng ba).

- Có từ 6 đội trở lên: chia bảng thi đấu vòng chọn, chọn đội có thành tích tốt nhất thi đấu vòng hai xếp hạng chung cuộc.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng chuyền hiện hành của Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam (Cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

5.2. Bóng thi đấu: do Ban Tổ chức quyết định và sẽ có thông báo sau.

5.3. Cách tính điểm, xếp hạng trong đấu vòng tròn: Theo Luật Bóng chuyền hiện hành.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 đội trở lên tham dự; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 đội; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 đội dự thi.

Điều 12. MÔN BÓNG ĐÁ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp TH: Bóng đá nam 05 người.

2.2. Cấp THCS: Bóng đá nam 07 người.

2.3. Cấp THPT:

- Bóng đá nữ 05 người.
- Bóng đá nam 11 người.

3. Thể thức thi đấu:

Căn cứ vào số lượng đội thi đấu:

- Nếu có từ 05 đội trở xuống: thi đấu vòng tròn 01 lượt tính điểm xếp hạng nhất, nhì, ba (không đồng hạng ba).
- Có từ 6 đội trở lên: chia bảng thi đấu vòng loại, chọn đội có thành tích tốt nhất thi đấu vòng hai xếp hạng chung cuộc.

4. Số lượng tham gia

4.1. Cấp TH: Đăng ký tối đa 12 VĐV (có số áo từ 01-12).

4.2. Cấp THCS: Đăng ký tối đa 14 VĐV (có số áo từ 01-14).

4.3. Cấp THPT

- Đội nữ đăng ký tối đa 12 VĐV (có số áo từ 01-12).
- Đội nam đăng ký tối đa 20 VĐV (có số áo từ 01-20).

5. Quy định thi đấu

5.1. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu 05 người, 07 người và 11 người hiện hành của Liên đoàn bóng đá Việt Nam.

5.2. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quyết định và sẽ có thông báo sau.

a) Cấp TH, THPT (nữ): Bóng số 04 (bóng nảy).

b) Cấp THCS, THPT (nam): Bóng số 05.

5.3. Thời gian thi đấu:

a) Đối với cấp TH và nữ cấp THPT: Thi đấu trong 02 hiệp mỗi hiệp 20 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 02 hiệp nghỉ 10 phút).

b) Đối với cấp THCS: Thi đấu trong 02 hiệp mỗi hiệp 25 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 02 hiệp nghỉ 10 phút).

c) Đối với nam cấp THPT: Thi đấu trong 02 hiệp mỗi hiệp 35 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 02 hiệp nghỉ 15 phút).

5.4. Trang phục thi đấu:

a) Áo của thủ môn phải khác màu với các cầu thủ khác và trọng tài trên sân. Đội có mã số đứng trước là đội được ưu tiên đăng ký màu áo.

b) Giày thi đấu: giày bata đế cao su thường chuyên dùng cho sân cỏ nhân tạo (có thể dùng giày đế mềm có nệm chống trơn). Đối với bóng đá nam cấp THPT dùng giày da chuyên dùng cho bóng đá sân lớn (11 người).

c) Phải có bọc ống quyền theo quy định của Luật Bóng đá hiện hành (đối với tất cả các cấp học, kể cả nữ).

5.5. Quy định về thẻ phạt:

- VĐV nhận đủ 02 thẻ vàng (ở một hay nhiều trận) sẽ phải nghỉ thi đấu ở trận kế tiếp.

- VĐV nhận thẻ đỏ trực tiếp sẽ phải nghỉ 02 trận kế tiếp. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng (hành vi bạo lực, đánh nhau,..) BTC sẽ xem xét mức độ để xử lý cho phù hợp.

- Kết thúc vòng loại VĐV có 01 thẻ vàng (đang treo) sẽ được xóa, các trường hợp khác giữ nguyên.

6. Cách tính điểm

6.1. Tính điểm để xếp hạng giai đoạn 01 đấu vòng tròn: Thắng 03 điểm - thua 00 điểm – hoà 01 điểm.

6.2. Xếp hạng giai đoạn 01:

* Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự:

- Số điểm.
- Hiệu số bàn thắng và số bàn thua.
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số trên bằng nhau, thì tiếp tục xét các chỉ số của toàn bộ các trận đấu theo thứ tự:

- Hiệu số của tổng số bàn thắng và tổng số bàn thua.;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội trên.

6.3. Giai đoạn 02: Thi đấu theo thể thức loại trực tiếp không có trận hòa. Nếu hòa trong 02 hiệp chính sẽ thi đá luân lưu để xác định đội thắng (không đá hiệp phụ).

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 đội trở lên tham dự; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 đội; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 đội dự thi.

Điều 13. MÔN THỂ DỤC AEROBIC

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Cấp TH (lớp 1-3), TH (lớp 4-5), THCS.

- Bài Thể dục Aerobic quy định.
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 03 người.
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 08 người.

3. Số lượng VĐV

- VĐV chỉ được phép đăng ký tham gia thi đấu ở một nhóm tuổi duy nhất.
- Mỗi VĐV chỉ được phép tham dự tối đa 02 nội dung cho mỗi nhóm tuổi.
- Mỗi đơn vị đăng ký số lượng VĐV cho các nội dung như sau:
 - + Bài Thể dục Aerobic quy định: 08 VĐV chính thức + 03 VĐV dự bị.
 - + Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 08 người: 08 VĐV chính thức + 03 VĐV dự bị.
 - + Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 03 người: 03 VĐV chính thức + 01 VĐV dự bị.

4. Thể thức thi đấu: Đồng đội

5. Luật thi đấu

5.1. Đánh giá bài thi theo Luật Thể dục Aerobic HKPD do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2020.

5.2. Cấu trúc bài thi áp dụng theo Luật Thể dục Aerobic HKPD do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2020.

Ngoài những quy định trên đây, những yêu cầu cụ thể của môn Thể dục Aerobic áp dụng theo Luật Thể dục Aerobic HKPD do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2020.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 đội trở lên tham dự; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 đội dự thi.

Điều 14. MÔN ĐẨY GẬY

1. Đối tượng: Theo quy định của mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Chỉ tổ chức thi đấu các nội dung học sinh THCS.

- Nam: Đến 41kg, trên 41kg đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47kg đến 50kg, trên 50kg đến 53kg, trên 53kg đến 56 kg.

- Nữ: Đến 35kg, trên 35kg đến 38kg, trên 38kg đến 41kg, trên 41 đến 44kg, trên 44kg đến 47kg , trên 47 đến 50kg.

3. Thể thức thi đấu: Tùy theo số lượng VĐV tham dự Ban Tổ chức sẽ quy định thể thức thi đấu tại cuộc họp chuyên môn.

4. Số lượng tham gia: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV thi đấu cho mỗi hạng cân. Mỗi VĐV chỉ được thi đấu ở 01 hạng cân.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Đẩy gậy hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV trở lên tham dự; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV dự thi.

Điều 15. MÔN CỜ VUA

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn cho tất cả các độ tuổi (nam và nữ)

2.1. Cấp TH: thi đấu theo 02 độ tuổi (07 - 09 tuổi, 10 - 11 tuổi).

2.2. Cấp THCS: thi đấu theo 02 độ tuổi (12 - 13 tuổi, 14 - 15 tuổi).

2.3. Cấp THPT: thi đấu theo 02 độ tuổi (16 tuổi, 17 - 18 tuổi).

3. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đồng đội.

3.1. Theo hệ Thụy sĩ trong 07 ván nếu có từ 9 đến 20 VĐV hoặc 09 ván nếu có từ 21 VĐV trở lên. Trường hợp nếu có 8 VĐV trở xuống thì sẽ thi đấu vòng tròn 01 lượt.

3.2. Thời gian thi đấu cho mỗi đấu thủ là: 90 phút để hoàn thành ván cờ.

4. Số lượng tham gia: Mỗi đơn vị được đăng ký 02 VĐV nam và 02 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, mỗi nội dung thi đấu.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Cờ vua hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng:

6.1. Xếp hạng cá nhân theo điểm, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

6.2. Xếp hạng đồng đội: Tổng điểm của 02 VĐV nam hoặc 02 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, đội nào có tổng điểm cao hơn được xếp trên, nếu bằng nhau thì tính tổng thứ hạng, đội nào có tổng thứ hạng thấp hơn được xếp trên; nếu bằng nhau thì đội có VĐV xếp hạng cá nhân cao hơn được xếp trên.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV, đội trở lên dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV, đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV, đội dự thi.

Điều 16. MÔN KÉO CO

1. Đối tượng: Theo quy định của mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Chỉ tổ chức thi đấu các nội dung học sinh THCS.

- Nội dung đội nam: Không quá 460kg.

- Nội dung đội nữ: Không quá 420kg

- Nội dung nam nữ phối hợp (04 nam, 04 nữ): Không quá 430kg.

3. Thể thức thi đấu

Căn cứ vào số lượng đội đăng ký tham gia thi đấu ở từng hạng cân, Ban Tổ chức sẽ quyết định thể thức thi đấu và công bố tại buổi họp chuyên môn (thi đấu loại trực tiếp một, hai lần thua hoặc thi đấu vòng tròn một lượt tính điểm).

4. Số lượng tham gia

4.1. Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 01 đội cho mỗi nội dung.

4.2. Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa có 13 VĐV (08 chính thức và 05 dự bị).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Kéo co hiện hành do Tổng cục Thể dục thể thao ban hành ngày 12/11/2010.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 đội trở lên tham dự; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 đội dự thi.

7. Các quy định khác

7.1. Trang phục thi đấu: Mỗi đội phải chuẩn bị 02 bộ trang phục khác màu cho huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu theo quy định của luật.

7.2. Sân thi đấu: Sàn xi măng, sàn gỗ hoặc theo sàn của nhà thi đấu.

7.3. Cân kiểm tra: Các vận động viên tham gia thi đấu sẽ cân kiểm tra vào buổi chiều ngày bốc thăm xếp lịch thi đấu (theo lịch của Ban Tổ chức).

Điều 17. MÔN KARATE

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp THCS

* *Nội dung Kata (quyền):* Kata cá nhân nam, cá nhân nữ; đồng đội nam, đồng đội nữ (03 VĐV + 01 dự bị).

* *Nội dung Kumite (đôi kháng)*

- Nội dung đồng đội: Kumite đồng đội nam (05 VĐV+ 02 dự bị), đồng đội nữ (03 VĐV + 01 dự bị).

- Nội dung cá nhân (mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV dự thi ở mỗi hạng cân)

- + Nam: đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg; trên 65kg;
- + Nữ: đến 40kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg, trên 56kg.

2.2. Cấp THPT

* *Nội dung Kata (quyền)*: Kata cá nhân nam, cá nhân nữ; đồng đội nam, đồng đội nữ (03 VĐV + 01 dự bị).

* *Nội dung Kumite (đôi kháng)*

- Nội dung đồng đội: Kumite đồng đội nam (05 VĐV+ 02 dự bị), đồng đội nữ (03 VĐV + 01 dự bị).

- Nội dung cá nhân (mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV dự thi ở mỗi hạng cân)

+ Nam: đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg; trên 70kg

+ Nữ: đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, trên 60kg

3. Số lượng tham gia: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV (hoặc 1 đội) ở mỗi nội dung.

4. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật của Liên đoàn Karate thế giới (WKF) do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành và các văn bản bổ sung Luật mới.

5. Các quy định khác

Các VĐV phải được trang bị bắt buộc đúng quy định gồm:

- Võ phục; bít răng; bảo vệ hạ bộ; bảo vệ cơ thể; bảo vệ ngực nữ; găng thi đấu, bảo vệ ống chân và bàn chân, đai thi đấu: 2 màu xanh, đỏ (không thêu chữ).

- Các trang thiết bị thi đấu của VĐV theo quy định của Liên đoàn Karate thế giới (WKF) hoặc do các công ty của Việt Nam sản xuất đã được Cục TDTT kiểm tra và cho phép.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV, đội trở lên dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV, đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV, đội dự thi.

Điều 18. MÔN TAEKWONDO

1. Đối tượng: Theo quy định của mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Tính chất: Thi đấu đôi kháng cá nhân; quyền cá nhân, đôi nam - nữ.

3. Nội dung thi đấu

3.1. Đối kháng cá nhân

a) Cấp THCS

- Nam: Dưới 41kg, 45kg, 49kg, 53kg, 57kg, 61kg.

- Nữ: Dưới 41kg, 44kg, 47kg, 51kg, 55kg.

b) Cấp THPT

- Nam : Dưới 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg, 73kg.

- Nữ: Dưới 42kg, 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg, 59kg.

3.2. Thi quyền cấp THCS, THPT: đồng đội nam, đồng đội nữ và đôi nam - nữ.

a) Cấp THCS

- Vòng loại thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 06 bài quyền Taegeuk 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang.

- Vòng chung kết: chọn 8 VĐV có số điểm cao nhất thi vòng chung kết: 1 bài quyền tiêu chuẩn: bốc thăm trong 05 bài quyền còn lại và 1 bài quyền sáng tạo.

b) Cấp THPT

- Vòng loại thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 06 bài quyền Taegeuk 6, 7, 8, Koryo, Keumgang, Taebaek.

- Vòng chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 01 trong 05 bài quyền còn lại và 1 bài quyền sáng tạo.

4. Số lượng VĐV

Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 02 HLV; đăng ký 01 VĐV tham gia thi đấu ở mỗi hạng cân và 01 VĐV, 01 đôi tham gia thi đấu quyền ở mỗi cấp học.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Thi đấu hiện hành của Taekwondo thế giới.

6. Quy định thời gian thi đấu

- Cấp THCS : 03 hiệp x 01 phút 00, giữa các hiệp nghỉ 01 phút;

- Cấp THPT: 03 hiệp x 01 phút 30, giữa các hiệp nghỉ 01 phút.

- Thi đấu đồng đội: 03 hiệp, hiệp 1: 5 phút và 4 phút, hiệp 2 và hiệp 3: 3 phút.

7. Thiết bị sử dụng trong thi đấu đối kháng cá nhân

- Cấp THCS: Thi đấu bằng giáp thường, mũ thường có kính chắn bảo vệ.

- Cấp THPT: Thi đấu bằng hệ thống giáp điện tử và mũ điện tử KPNP.

8. Các quy định khác

- Phải có võ phục Taekwondo.

- Quần áo phải sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, không để móng tay, móng chân dài.

- Phải có trang thiết bị bảo vệ cá nhân (ống tay, ống chân, Kuki).

9. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV, đội trở lên dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV, đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV, đội dự thi.

Điều 19. MÔN VOVINAM

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp THCS

* Thi quyền

- Đơn luyện nam, nữ (Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp).
- Song luyện nam, nữ (Song luyện 1).
- Quyền đồng đội nam: Long hổ quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV).
- Quyền đồng đội nữ: Thập tự quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV).

* Thi đấu đối kháng

- Nam: dưới 45kg (trên 39kg), 48kg, 51kg, 54kg, 57kg.
- Nữ: dưới 42kg (trên 36kg), 45kg, 48kg, 51kg, 54kg.

2.2. Cấp THPT

* Thi quyền

- Đơn luyện: đơn luyện nam (Ngũ môn quyền); đơn luyện nữ (Long hổ quyền).
- Song luyện: Song luyện nam (Song luyện 3); Song luyện nữ: (Song luyện 2).
- Đòn chân tấn công nam: mỗi đội gồm 04 VĐV, thi tổng cộng 08 đòn chân (mỗi VĐV thực hiện 02 đòn chân, sử dụng các đòn chân số: 7, 8, 9, 11, 12, 14, 17, 18).

- Tự vệ nữ: thực hiện tối thiểu 05 đòn thế cơ bản Vovinam, (thời gian thực hiện bài thi tối đa là 03 phút).

- Đa luyện: Đa luyện vũ khí nam; Đa luyện vũ khí nữ.
- Quyền đồng đội nam: Long hổ quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV).
- Quyền đồng đội nữ: Thập tự quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV).

* Thi đấu đối kháng

- Nam: dưới 48kg (trên 42kg), 51kg, 54kg, 57kg, 60kg.
- Nữ: dưới 45kg (trên 39kg), 48kg, 51kg, 54kg, 57kg.

3. Số lượng tham gia

3.1. Thi Quyền

- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV hoặc một đội ở mỗi nội dung (một bài) thi;

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 2 nội dung.

3.2. Thi đấu đối kháng: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV thi đấu ở 1 hạng cân.

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vovinam sửa đổi, bổ sung do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành.

5. Các quy định khác

5.1. Quy định thời gian thi đấu đối kháng: ở cấp THCS thi đấu 03 hiệp, mỗi hiệp 01 phút, nghỉ giữa các hiệp 30 giây; cấp THPT thi đấu 03 hiệp, mỗi hiệp 01 phút 30 giây, nghỉ giữa các hiệp 45 giây.

5.2. Hình thức xác định kết quả trận đấu đối kháng khi hòa điểm:

Sau khi kết thúc 03 hiệp thi đấu chính thức, nếu 02 VĐV hòa điểm nhau, sẽ tiến hành thi đấu 01 **“hiệp phụ tính điểm vàng”** với thời gian tương ứng thời gian thi đấu hiệp chính ở mỗi cấp học (VĐV nào ghi điểm trước được tuyên bố thắng cuộc và trận đấu sẽ kết thúc ngay tại thời điểm đó. Nếu kết thúc **“hiệp phụ tính điểm vàng”**, 02 VĐV vẫn hòa điểm nhau thì Ban Tổ chức (BTC) thì xét theo thứ tự như sau: BTC sẽ mời 02 VĐV (chỉ mặc võ phục mang đai và bảo hộ hạ bộ, không mang bảo hộ: răng, tay chân, găng, giáp, mũ bảo hộ) lên bàn BTC để cân xác định trọng lượng 01 lần duy nhất, VĐV nào có trọng lượng nhỏ hơn được tuyên bố thắng cuộc. Nếu trọng lượng 02 VĐV vẫn bằng nhau thì tiến hành bốc thăm để xác định VĐV thắng cuộc.

5.3. Hình thức xếp hạng thi quyền: theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 02 hay nhiều VĐV, tập thể bằng điểm nhau thì xét VĐV, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài chấm điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng (đối với đồng số điểm đạt huy chương đồng). Riêng trường hợp đồng số điểm đạt huy chương vàng, huy chương bạc, các vận động viên, tập thể sẽ tiếp tục thi lại nội dung đó để xác định thứ hạng.

5.4. Trang phục thi đấu của VĐV: Võ phục đúng quy cách (không mang tên Việt Nam, tên tỉnh, thành, ngành, không in hoặc thêu cờ quốc gia trước, sau lưng và các loại cờ, logo ngoài quy định của BTC), thắt đai vàng trơn, bảo hộ tay chân, bảo vệ hạ bộ, bảo hộ răng, bình khí... của VĐV do đơn vị tự trang bị (*giáp, găng, mũ bảo hộ do BTC trang bị*) theo đúng quy định chuyên môn Vovinam; tóc sạch gọn, móng tay, móng chân cắt ngắn, không mang trang sức khi thi đấu.

5.5. Trình độ: VĐV phải có trình độ chuyên môn từ Lam đai trở lên, thẻ đăng cấp do Liên đoàn/Hội Vovinam tỉnh, thành thuộc hệ thống Liên đoàn Vovinam Việt Nam (VVF) cấp (từ Lam đai tam cấp trở xuống) hoặc Thẻ VĐV/Thẻ đăng cấp do VVF cấp (từ Hoàng đai trở lên). Các VĐV có thẻ đăng cấp không thuộc hệ thống VVF sẽ không được tham dự.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV, đội trở lên dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV, đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV, đội dự thi.

Điều 20. VÕ CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 5 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp THCS

*** Nội dung quyền – đối luyện**

a) Bài căn bản công pháp số II (36 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân nam/nữ.
- Nội dung đồng đội (02- 04 VĐV) gồm: đồng đội nam, đồng đội nữ; đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).
- Nội dung tập thể (05-10 VĐV trong đó tối thiểu 03 VĐV nữ hoặc 03 VĐV nam).

b) Bài Ngọc Trần Quyền.

- Nội dung biểu diễn cá nhân nam/nữ.
- Nội dung đồng đội (02 - 04 VĐV) gồm: đồng đội nam, đồng đội nữ; đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).
- Nội dung đối luyện (02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp II (36 động tác).

*** Nội dung đối kháng**

- Nam: trên 44 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 52 kg, trên 52 kg đến 56 kg
- Nữ: trên 44 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 52 kg.

2.2. Cấp THPT:

*** Nội dung quyền – đối luyện**

a) Bài Căn bản công pháp số III (45 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân nam/nữ.
- Nội dung đồng đội (02 - 04 VĐV) gồm: đồng đội nam, đồng đội nữ; đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).
- Nội dung tập thể (05-10 VĐV trong đó tối thiểu 03 VĐV nữ hoặc 03 VĐV nam).

b) Bài Lão Mai Quyền.

- Nội dung biểu diễn cá nhân nam/nữ.
- Nội dung đồng đội (02 - 04 VĐV) gồm: đồng đội nam, đồng đội nữ; đồng đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).
- Nội dung đối luyện (02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp số III (45 động tác).

*** Nội dung đối kháng**

- Nam: trên 52 kg đến 56 kg, trên 56 kg đến 60 kg, trên 60 kg đến 65 kg, trên 65 kg đến 70 kg.
- Nữ: trên 44 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 52 kg, trên 52 kg đến 56 kg.

3. Số lượng tham gia

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham gia thi đấu 01 hạng cân ở nội dung đối kháng và tối đa 03 nội dung.
- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia tối đa 06 nội dung quyền-đối luyện của mỗi cấp học.

4. Luật thi đấu: áp dụng theo luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam hiện hành do Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam ban hành.

5. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ này.

6. Các quy định khác: Trang phục theo quy định của Liên đoàn Võ cổ truyền Việt Nam.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 6 VĐV, đội trở lên dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi có từ 4 đến 5 VĐV, đội dự thi; 01 giải nhất, 01 giải nhì cho mỗi nội dung thi có 3 VĐV, đội dự thi.

Chương III

KHIẾU NẠI - KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

I. KHIẾU NẠI

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

1.1. Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại. Khi khiếu nại phải có văn bản nộp cho Ban Trọng tài cuộc thi khi xảy ra sự cố. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật, luật do Ban Trọng tài cuộc thi xử lý, giải quyết tại chỗ. Ban trọng tài cuộc thi phải giải quyết trước khi buổi thi kết thúc. Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải phục tùng các quyết định của Ban Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thoả đáng có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức HKPD, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

1.2. Không giải quyết các khiếu nại về chuyên môn đối với môn Thể dục.

2. Các khiếu nại về nhân sự

Chỉ có Trưởng đoàn mới có quyền khiếu nại và phải có văn bản nộp cho Ban Tổ chức cuộc thi. Ban Tổ chức sẽ giải quyết tại chỗ, trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

II. KHEN THƯỞNG

1. Tặng Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và tiền thưởng cho các cá nhân, đồng đội đạt thành tích nhất, nhì, ba theo Điều lệ từng môn.

2. Tặng cờ và tiền thưởng nhất, nhì, ba toàn đoàn .

Xếp hạng toàn đoàn của HKPĐ được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số huy chương Vàng, tổng số huy chương Bạc, tổng số huy chương Đồng đạt được sau khi đã nhân hệ số các môn tập thể. (Các môn tập thể: Bóng đá, Bóng chuyền, Kéo co, Thẻ dục (bài 8 người) nhân hệ số 3).

Nếu bằng nhau thì tính theo thứ tự tổng HCV, tổng HCB, tổng HCD đạt được thực tế khi chưa nhân hệ số để xếp hạng.

3. Cấp Giấy chứng nhận thành tích cho các học sinh đạt thành tích xếp hạng từ thứ nhất đến thứ ba ở các nội dung thi cá nhân của HKPĐ.

III. KỶ LUẬT

1. Bất kỳ cá nhân, đơn vị nào vi phạm Điều lệ, những quy định của Ban Tổ chức HKPĐ và từng môn thể thao trong chương trình HKPĐ và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến tước quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm.

2. Khiếu nại sai sự thật sẽ bị cảnh cáo và đơn vị có đơn tố cáo sai sự thật sẽ bị tính trừ 01 HCV trong xếp hạng toàn đoàn ở 01 lần khiếu nại sai sự thật.

3. Ban Tổ chức HKPĐ sẽ kiến nghị Sở GD&ĐT không xếp loại thi đua theo tiêu chí đánh giá công tác thi đua của Sở GD&ĐT đối với đơn vị có vi phạm, chuyển Thanh tra Sở xử lý theo mức độ vi phạm, kiên quyết xử lý kỷ luật đối với các cán bộ phụ trách đơn vị có vi phạm theo tinh thần của Chỉ thị 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về “chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao”.

Điều lệ này có giá trị kể từ ngày ký, chỉ có Ban Tổ chức HKPĐ tỉnh Bến Tre năm 2024 mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung khi thấy cần thiết./.